TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-ST
Ngày 14-3-2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 786/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thúy H, sinh năm 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:

Bà có tham gia hụi do bà Trịnh Thúy H làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây hụi ngày 28/10/2019 al, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 36 chưng, một tháng khui một lần bà tham gia một chưng, bà đã đóng 24 lần, hiện tại đã đình hụi, chưng hụi này bà H đã trừ một chưng 1.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền cò, như vậy dây hụi này bà H thiếu 22.500.000 đồng.

Dây hụi ngày 15/02/2019 al loại hụi 1.000.000 đồng, có 32 chưng, một tháng khui một lần, bà tham gia một chưng, bà đóng hụi đến mãn, bà H đã trả bà được 9.500.000 đồng, bà H còn thiếu thiếu 21.000.000 đồng.

Tổng hai chưng hụi của hai dây hụi trên bà H thiếu 43.500.000 đồng, bà yêu cầu bà H trả bà 43.500.000 đồng.

Bà Trịnh Thúy H trình bày: Bà thừa nhận có mở hụi các dây hụi bà T tham gia hụi như bà T trình bày là đúng cụ thể như sau:

Dây hụi mở ngày 28/10/2019 al, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 36 chưng, gom hụi ngày mùng 8 âm lịch hàng tháng, một tháng khui một lần bà T tham gia một chưng, bà T đã đóng 24 lần, hiện tại đã đình hụi tháng 10/2021 al, chưng này bà T thực đóng 15.345.000 đồng cụ thể:

Kỳ thứ nhất đóng 695.000 đồng, kỳ thứ hai đóng 580.000 đồng, kỳ thứ 3 đóng 585.000 đồng, ký thứ 4 đóng 560.000 đồng, kỳ 5 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 6 đóng 615.000 đồng, kỳ thứ 7 đóng 740.000 đồng, kỳ thứ 8 đóng 645.000 đồng, kỳ thứ 9 đóng 700.000 đồng, kỳ thứ 10 đóng 660.000 đồng, kỳ thứ 11 đóng 650.000 đồng, kỳ thứ 12 đóng 640.000 đồng, kỳ thứ 13 đóng 690.000 đồng, kỳ thứ 14 đóng 660.000 đồng, kỳ thứ 15 đóng 595.000 đồng, kỳ thứ 16 đóng 580.000 đồng, kỳ thứ 17 đóng 570.000 đồng, kỳ thứ 18 đóng 550.000 đồng, kỳ thứ 19 đóng 700.000 đồng, kỳ thứ 20 đóng 650.000 đồng, kỳ thứ 21 đóng 710.000 đồng, kỳ thứ 22 đóng 780.000 đồng, kỳ thứ 23 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 24 đóng 590.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền bà T thực đóng của dây hụi này là 15.345.000 đồng và đồng ý tính lãi theo quy định từ khi đình hụi đến khi xét xử sơ thẩm.

Dây hụi ngày 15/02/2019 al, loại hụi 1.000.000 đồng, có 32 chưng, dây hụi này bà T đóng 30 lần, dây hụi này đã đình hụi tháng 8 năm 2021 al (kỳ bỏ hụi 31), lý do hụi viên không đóng hụi cho bà, sau khi đình hụi thì bà đã trả cho bà T 9.500.000 đồng ngày 16/6/2022 al, chưng hụi này bà T thực đóng 21.325.000 đồng cụ thể:

Kỳ thứ nhất đóng 720.000 đồng, kỳ thứ hai 2 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 3 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 4 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 5 đóng 575.000 đồng, kỳ thứ 6 đóng 675.000 đồng, kỳ thứ 7 đóng 615.000 đồng, kỳ thứ 8 đóng 580.000 đồng, kỳ thứ 9 đóng 625.000 đồng, kỳ thứ 10 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 11 đóng 660.000 đồng, kỳ thứ 12 đóng 650.000 đồng, kỳ thứ 13 đóng 640.000 đồng, kỳ thứ 14 đóng 600.000 đồng, kỳ thứ 15 đóng 695.000 đồng, kỳ thứ 16 đóng 695.000 đồng, kỳ thứ 17 đóng 710.000 đồng, kỳ thứ 18 đóng 700.000 đồng, kỳ thứ 19 đóng 690.000 đồng, kỳ thứ 20 đóng 680.000 đồng, kỳ thứ 21 đóng 660.000 đồng, kỳ thứ 22 đóng 635.000 đồng, kỳ thứ 23 đóng 620.000 đồng, kỳ thứ 24 đóng 605.000 đồng, kỳ thứ 25 đóng 640.000 đồng, kỳ thứ 26 đóng 620.000 đồng, kỳ thứ 27 đóng 770.000 đồng, kỳ thứ 28 đóng 700.000 đồng, kỳ thứ 29 đóng 765.000 đồng, kỳ thứ 30 đóng 800.000 đồng.

Đối trừ số tiền đã trả bà T 9.500.000 đồng vào ngày 16/6/2022, chưng hụi này bà còn thiếu bà T 11.825.000 đồng, bà đồng ý trả và đồng ý tính lãi từ ngày 16/6/2022 đối với số tiền còn thiếu đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bà T trình bày: Đối với dây hụi mở ngày 28/10/2019 al, do bà không theo dõi hụi, bà đồng ý số tiền bà H theo dỏi bà thực đóng 24 kỳ bằng số tiền 15.345.000 đồng. Do hụi đã đình hụi bà yêu cầu bà H trả bà hụi chết số tiền 22.500.000 đồng.

Đối với dây hụi mở ngày 15/02/2019 al, chưng hụi của dây hụi này bà đã đóng đến mãn hụi chứ không phải đóng 30 kỳ như bà H trình bày. Do đó, bà yêu cầu bà H trả bà tiền mãn hụi sau khi đối trừ tiền bà H trả bà 9.500.000 đồng còn lại bà H phải trả bà 21.000.000 đồng.

Bà H trình bày: Bà đình hụi lý do các hụi viên không đóng hụi chết cho bà, bà không có khả năng tràn hụi nên dẫn đến đình hụi, bà đồng ý trả bà T số tiền bà T thực đóng và đồng ý tính lãi theo quy định từ khi đình hụi đến khi xét xử sơ thẩm.

Bà xác định đối với dây hụi mở ngày 15/02/2019 al, dây hụi này bà T chỉ có đóng 30 kỳ chứ không phải như bà T trình bày. Việc bà ghi theo dõi hụi thể hiện bà T đóng 31 chưng là do bà nhầm lẫn.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà H trả cho bà T số tiền hụi thiếu 36.345.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà T yêu cầu bà H trả tiền hụi 7.155.000 đồng.

Án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thúy H trả tiền hụi, bà H có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn

Thời theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa bà T và bà H đều xác định bà H làm chủ hụi có mở các dây hụi cụ thể:

Dây hụi mở ngày 28/10/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng bà T tham gia một chưng, bà T đã đóng được 24 lần hụi sống sau đó bà H đình hụi, số tiền bà T thực đóng là 15.345.000 đồng.

Đối với dây hụi mở ngày 15/02/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng bà T tham gia một chưng, bà T xác định đã đóng được 31 lần hụi sống, còn bà H xác định bà T chỉ đóng 30 lần hụi sống, bà H cho rằng số tiền bà T thực đóng là 21.325.000 đồng, bà T xác định hụi đã mãn chứ không phải đình hụi như bà H trình bày.

Bà T cho rằng kỳ thứ 30 bà đã đóng luôn kỳ thứ 31 số tiền đóng 800.000 đồng đến kỳ 32 bà hốt hụi (kỳ cuối). Sau đó bà H đã trả bà 9.500.000 đồng còn thiếu 21.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu bà H trả số tiền hụi thiếu của hai dây hụi trên là 43.500.000 đồng.

[3] Xét dây hụi mở ngày 28/10/2019 âm lịch bà T và bà H thống nhất số tiền bà T đã thực đóng là 15.345.000 đồng. Chưng hụi bà T tham gia bà T chưa hốt, bà T đã đóng đầy đủ hụi cho bà H, hiện tại do hụi đã đình, thì bà H phải có trách nhiệm trả lại cho bà T đối với số tiền bà T thực đóng cho bà H và tiền lãi theo quy định là 20%/năm (1,66%/tháng) đối với mỗi kỳ bà T đã đóng, tính kể từ ngày bà T đóng hụi ở kỳ thứ nhất ngày 08/11/2019 âm lịch là ngày gom hụi (ngày mùng 08 hàng tháng là ngày gom hụi) (nhằm ngày 03/12/2019 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 14/3/2023 dương lịch) cụ thể:

Lãi kỳ thứ nhất: 695.000 đồng x 39 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 454.212 đồng.

Lãi kỳ thứ hai: 580.000 đồng x 38 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng =369.426 đồng.

Lãi kỳ thứ ba: 585.000 đồng x 37 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 362.900 đồng.

Lãi kỳ thứ tư: 560.000 đồng x 36 tháng 11 ngày x 1,66 %/tháng = 338.096 đồng

Lãi kỳ thứ năm: 600.000 đồng x 35 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 352.285 đồng.

Lãi kỳ thứ sáu: 615.000 đồng x 34 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 350.883 đồng.

Lãi kỳ thứ bảy: 740.000 đồng x 33 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 409.917 đồng.

Lãi kỳ thứ tám: 645.000 đồng x 32 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 346.586 đồng.

Lãi kỳ thứ chín: 700.000 đồng x 31 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 364.519 đồng.

Lãi kỳ thứ mười: 660.000 đồng x 30 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 332.734 đồng.

Lãi kỳ thứ mười một: 650.000 đồng x 29 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 316.902 đồng.

Lãi kỳ thứ mười hai: 640.000 đồng x 28 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 301.403 đồng.

Lãi kỳ thứ mười ba: 690.000 đồng x 27 tháng 11 ngày 1,66 %/tháng = 313.492 đồng.

Lãi kỳ thứ mười bốn: 660.000 đồng x 26 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 288.910 đồng.

Lãi kỳ thứ mười lăm: 595.000 đồng x 25 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 250.579 đồng.

Lãi kỳ thứ mười sáu: 580.000 đồng x 24 tháng 11 ngày x 1,66% /tháng = 234.634 đồng.

Lãi kỳ thứ mười bảy: 570.000 đồng x 23 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 221.127 đồng.

Lãi kỳ thứ mười tám: 550.000 đồng x 22 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 204.238 đồng.

Lãi kỳ thứ mười chín: 700.000 đồng x 21 tháng 11 ngày x 1,66 %/tháng = 248.319 đồng

Lãi kỳ thứ hai mươi: 650.000 đồng x 20 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 219.000 đồng.

Lãi kỳ thứ hai mươi mốt: 710.000 đồng x 19 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 228.295 đồng

Lãi kỳ thứ hai mươi hai: 780.000 đồng x 18 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 237.855 đồng.

Lãi kỳ thứ hai mươi ba: 600.000 đồng x 16 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 163.045 đồng

Lãi kỳ thứ hai mươi bốn: 590.000 đồng x 15 tháng 11 ngày x 1,66%/tháng = 150.534 đồng.

Tổng tiền lãi bà H phải trả cho bà T: 7.060.687 đồng.

Như vậy số tiền bà T thực đóng và bà H phải trả lãi 15.345.000 đồng + 7.060.687 đồng = 22.405.687 đồng.

[3] Xét dây hụi mở 15/02/2019 âm lịch bà T xác định dây hụi này bà T đã đóng 31 kỳ đến kỳ 32 thì mãn hụi, Sau khi mãn hụi thì bà H đã trả bà 9.500.000 đồng. Đối với bà H thì không thừa nhận dây hụi này bà T chỉ đóng được 30 kỳ, đình hụi ở kỳ 31 (tháng 8/2021 âm lịch). Thấy rằng dây hụi này các đương sự chưa thống nhất về số lần bà T đóng hụi sống cho bà H. Tuy nhiên xét lời trình bày của bà T là có căn cứ bởi vì theo sổ theo dõi của bà H cung cấp cho Tòa án (BL46 thể hiện ngày 15/7/2021 bà H tính tiền hụi mãn cho bà T 31 chưng sống tổng số tiền 31.000.000 đồng sau khi trừ tiền cò 500.000 đồng thì còn 30.500.000 đồng bà H đã trả 9.500.000 đồng còn thiếu 21.000.000 đồng). Như vậy nếu bà H cho rằng chưng hụi của dây hụi này bà T chỉ đóng 30 lần thì làm sao bà H tính tiền hụi sống cho bà T 31 lần, tại phiên tòa bà H cho rằng tính nhầm, lời trình bày của bà H không có căn cứ. Do chưng hụi hiện tại đã mãn, bà T hốt ở kỳ cuối nên bà H phải

có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền bà T đã hốt còn lại 21.000.000 đồng (đã đối trừ tiền cò 500.000 đồng và tiền bà H đã trả 9.500.000 đồng).

Tổng số tiền bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà T hai chưng hụi trên là 22.405.687 đồng + 21.000.000 đồng = ***43.405.687 đồng.***

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H trả cho bà T tiền hụi 43.405.687 đồng là phù hợp Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà H là 94.313 đồng.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phù hợp một phần được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T phải chịu án phí đối với phần không chấp nhận là 300.000 đồng. Bà H phải chịu án phí sơ thẩm 2.170.000 đồng theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với bà Trịnh Thúy H. Buộc bà Trịnh Thúy H trả cho bà Võ Thị T số tiền 43.405.687 đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T yêu cầu bà Trịnh Thúy H trả tiền hụi 94.313 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19/12/2022 bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số tiền 1.088.000 đồng biên lai thu số 0005941 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ, bà T được nhận lại 788.000 đồng.

Bà Trịnh Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.170.000 đồng (chưa nộp);

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len